

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Nam.

2. Bà Trần Thị Kim Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Huỳnh Xuân T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Huỳnh Xuân T thành hôn năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh

Long ngày 21/12/2022. Trong thời gia vợ chồng sống chung, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, gia đình hai bên đã khuyên nhủ hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị nhận thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Huỳnh Xuân T có 01 con chung tên Huỳnh Lê Thiên P sinh ngày 12/5/2024 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Xuân T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tổ tụng hợp lệ nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 28/01/2026, ông Huỳnh Văn Tuấn A (cha ruột của anh Huỳnh Xuân T) trình bày: Vợ chồng chị Mỹ D và anh X cưới thành hôn năm 2022. Sau khi thành hôn vợ chồng sống chung gia đình ông đến khi chị D có thai được 04 tháng thì gia đình chị D xin rước chị D về để chăm sóc, từ đó đến nay không trở về chung sống tại nhà ông. Ông không biết giữa chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn gì nhưng chị D cương quyết muốn ly hôn và anh T cũng thống nhất ly hôn nên ông không có ý kiến. Do hiện tại anh T đang bệnh nặng đi lại khó khăn nên không đến tham dự phiên hòa giải theo triệu tập của Tòa án. Con chung của chị D và anh T là Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 12/5/2024 từ nhỏ đến nay sống chung với chị D, cháu được chăm sóc chu đáo và phát triển bình thường. Gia đình và anh T cũng thường xuyên tới lui thăm nom cháu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D và bị đơn anh Huỳnh Xuân T vắng mặt có văn bản đề nghị vắng mặt.

Điện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 – Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn anh Huỳnh Xuân T không tham gia phiên họp phiên hòa giải vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Điều 147 BLTTDS; Điều 3, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ D ly hôn với anh Huỳnh Xuân T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 12/5/2024 cho chị Lê Thị Mỹ D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D và bị đơn anh Huỳnh Xuân T vắng mặt có văn bản đề nghị vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D và bị đơn anh Huỳnh Xuân T thành hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long ngày 21/12/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị Mỹ D trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm được gia đình hai bên hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông Huỳnh Văn Tuấn A (cha ruột anh Huỳnh Xuân T) cũng xác định chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ khi mang thai được 04 tháng cho đến nay, vợ chồng chị D, anh T không còn sống chung và anh T cũng thống nhất ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ chị D, anh T đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, chứng tỏ, anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh T đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị D xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ D và bị đơn anh Huỳnh Xuân T có 01 con chung tên Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 12/5/2024 hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung của chị D, anh T từ lúc sinh ra cho đến nay do chị D chăm sóc nuôi dưỡng, ông Huỳnh Văn Tuấn A (cha ruột anh T) cũng xác định con chung của chị D, anh T được chị D chăm sóc chu đáo và phát triển bình thường. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao con chung tên Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 12/5/2024 cho chị Lê Thị Mỹ D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Lê Thị Mỹ D là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Huỳnh Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Huỳnh Xuân T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ

nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81,82, 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ D ly hôn với anh Huỳnh Xuân T.

1.2.Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 12/5/2024 cho chị Lê Thị Mỹ D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010614 ngày 27/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị D không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
- UBND xã Lục Sĩ Thành (GCNKH số 60/2022 ngày 21/12/2022)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Nga